TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/DS-ST
Ngày 06/03/2026
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ.

2. Bà Trần Thanh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 623/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên toà số 38/2026/QĐST- DS ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt: V1).

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm, theo Văn bản uỷ quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/07/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành T là ông Lê Ngọc M – chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ liên lạc: Số B Xa lộ H, phường L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Công Đ, sinh năm 1971.

Căn cước công dân số: 075071003416.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984.

Chứng minh nhân dân số: 272950570.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng

Nai).

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V là ông Lê Ngọc M trình bày:

Ngân hàng TMCP V với ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 (gọi tắt là ông Đ và bà T1) đã ký kết thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số LN2207136213294 ngày 16 tháng 7 năm 2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/07/2022; số HS giải ngân LD2225100871 ngày 08/9/2022 với số tiền vay 320.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay là mua ô tô, lãi suất thỏa thuận.

Để đảm bảo khoản vay nêu trên, ông Đ và bà T1 ký kết hợp đồng thế chấp số LN2207136213294 ngày 16/07/2022 với tài sản là quyền sở hữu/quyền sử dụng dụng đối với xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Biển số đăng ký: 60E-010.97, có số khung: MMBSNA13APH001143, Số máy: 3A92ULB1448 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60 000570 do Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/7/2022 cho ông Phạm Công Đ. Tài sản đã được ông Đ và bà T1 đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký, giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/7/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Công Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Vì vậy từ ngày 15/07/2025 V1 đã chuyển toàn bộ khoản nợ của khách hàng sang nợ quá hạn, đồng thời yêu cầu khách hàng thanh toán toàn bộ khoản nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng vay.

Tạm tính tới ngày 06/03/2026, tổng dư nợ của khoản vay nêu trên gồm dư nợ gốc 209.885.484 đồng (Hai trăm linh chín triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng); dư nợ lãi 31.712.243 đồng (ba mươi mốt triệu, bảy trăm mười hai nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng); Tổng dư nợ 241.597.727 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng)

Tính tới ngày 06/03/2026, ông Phạm Công Đ đã thanh toán được gồm nợ gốc là 110.114.516 đồng; nợ lãi là 83.636.639 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán: 193.751.155 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi ba triệu bảy trăm năm mươi một nghìn một trăm năm mươi lăm đồng).

Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã khởi kiện tại Toà án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai xem xét giải quyết và tuyên buộc ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/03/2026, tổng dư nợ của khoản vay nêu trên là: 241.597.727 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là: 209.885.484 đồng, nợ lãi là: 31.712.243 đồng.

Đồng thời, ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 07/03/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho V1 đến khi thanh toán dứt nợ. Ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn, chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Ông Đ và bà T1 có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ A, ấp E, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai). Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

[1.2] Về tư cách đương sự trong vụ án: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định Ngân hàng TMCP V là nguyên đơn; ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn.

[1.3] Bị đơn ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông C và bà N.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngân hàng TMCP V với ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 (gọi tắt là ông Đ và bà T1) đã ký kết theo hợp đồng cho vay số LN2207136213294 ngày 16 tháng 7 năm 2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/07/2022; số HS giải ngân LD2225100871 ngày 08/9/2022 với số tiền vay 320.000.000 đồng, thời hạn vay 96

tháng, mục đích vay là mua ô tô, lãi suất thỏa thuận. Việc ký kết hai bên là hoàn tòan tự nguyện, khi ký hợp đồng các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung thỏa thuận phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 15/7/2025 ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của khách hàng sang nợ quá hạn, đồng thời yêu cầu khách hàng thanh toán toàn bộ khoản nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Đến ngày 13/10/2025 theo đơn khởi kiện của ngân hàng, tổng dư nợ của khoản vay nêu trên được tạm tính gồm dư nợ gốc 209.977.992 đồng; dư nợ lãi 11.340.219 đồng; Tổng dư nợ là 211.318.211 đồng.

[2.1] Xét việc ông Đ và bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Ông Đ và bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là người có lỗi vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ và bà T1 về nội dung Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, đồng thời ông Phạm Công Đức T2 tới ngày 06/03/2026 đã thanh toán được tổng số tiền đã thanh toán: 193.751.155 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi ba triệu bảy trăm năm mươi một nghìn một trăm năm mươi lăm đồng) là tình tiết, sự kiện rõ ràng không phải chứng minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông Đ và bà T1 có nợ Ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu trả số nợ nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng N1 ban hành và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã khởi kiện tại Toà án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai xem xét giải quyết và tuyên buộc ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký với tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/03/2026, tổng dư nợ của khoản vay nêu trên là: 241.597.727 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là: 209.885.484 đồng, nợ lãi là: 31.712.243 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 07/03/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông Đ và bà T1 có thế chấp tài sản là quyền sở hữu/quyền sử dụng dụng đối với xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Biển số đăng ký: 60E-010.97, có số khung: MMBSNA13APH001143, Số máy: 3A92ULB1448 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60 000570 do Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày

19/7/2022 cho ông Phạm Công Đ. Tài sản đã được ông Đ và bà T1 đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký, giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/7/2022.

Xét thấy, về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu ông Đ và bà T1 không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay, mà đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Đ và bà T1 phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên. Nếu không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng mới có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Các điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền của khoản vay nêu trên còn nợ tính đến ngày 06/3/2026 là 241.597.727 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là: 209.885.484 đồng, nợ lãi là: 31.712.243 đồng.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải tự nguyện trả số tiền nêu trên. Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp số LN2207136213294 ngày 16/07/2022 để thế chấp tài sản là quyền sở hữu/quyền sử dụng dụng đối với xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Biển số đăng ký: 60E-010.97, có số khung: MMBSNA13APH001143, Số máy: 3A92ULB1448 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60 000570 do Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/7/2022 cho ông Phạm Công Đ.

2/ Kể từ ngày 07/3/2026, ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho vay số LN2207136213294 ngày 16 tháng 7 năm 2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/07/2022 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3/ Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí sơ thẩm 12.079.886 đồng (Mười hai triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.249.450 đồng (Năm triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, bốm trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005674, ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 2 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Oanh